

Số: 07/CV-ĐHM

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty : **Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai**

- Mã chứng khoán: **HMR**

- Trụ sở chính: Khối Tân Thành, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0238 664 260

Fax: 0238 664 136

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính bán niên năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <https://rcchoangmai.vn/> mục Quan hệ nhà đầu tư.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT b/c;
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Ánh

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính quý 2 năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính bán niên năm 2025 kết thúc ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Trung	Thành viên
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/4/2025
Ông Phạm Xuân Trí	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/4/2025
Ông Thái Đình Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/4/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/4/2025
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên	

Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc
Ông Trần Huy Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Số: 902/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác.

Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán số 290325.007/BCTC.KT5 ngày 29 tháng 03 năm 2025 và báo cáo soát xét số 130824.006/BCTC.KT5 ngày 13 tháng 08 năm 2024.



Phạm Thị Thảo

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.288.226.545	82.031.530.140
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	406.924.291	120.159.113
Tiền	111		406.924.291	120.159.113
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.949.456.945	54.193.818.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	20.329.392.488	28.576.208.456
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	33.272.042.432	26.353.791.551
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	175.887.690	91.684.552
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(827.865.665)	(827.865.665)
Hàng tồn kho	140	9	23.915.950.309	27.712.966.300
Hàng tồn kho	141		23.915.950.309	27.712.966.300
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.895.000	4.585.833
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.895.000	4.585.833
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.864.277.259	9.287.583.364
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.574.105.169	2.381.574.681
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.574.105.169	2.381.574.681
Tài sản cố định	220		6.191.986.203	6.709.636.914
Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.191.986.203	6.709.636.914
- Nguyên giá	222		34.346.071.436	34.346.071.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.154.085.233)	(27.636.434.522)
Tài sản dài hạn khác	260		98.185.887	196.371.769
Chi phí trả trước dài hạn	261		98.185.887	196.371.769
TỔNG TÀI SẢN	270		86.152.503.804	91.319.113.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2025

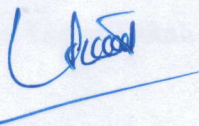
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.971.339.526	13.706.711.738
Nợ ngắn hạn	310		6.176.727.776	12.255.021.738
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	858.967.363	3.150.117.642
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		122.669.500	170.717.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.221.960.773	3.416.874.831
Phải trả người lao động	314		1.982.803.094	2.907.966.995
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.718.976.702	1.734.385.426
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	-	500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		271.350.344	374.959.344
Nợ dài hạn	330		1.794.611.750	1.451.690.000
Phải trả dài hạn khác	337	13	80.000.000	80.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	1.714.611.750	1.371.690.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	78.181.164.278	77.612.401.766
Vốn chủ sở hữu	410		78.181.164.278	77.612.401.766
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.124.440.000	56.124.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.124.440.000	56.124.440.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.213.000.000	9.213.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.843.724.278	12.274.961.766
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.274.961.766	6.241.908.480
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		568.762.512	6.033.053.286
TỔNG NGUỒN VỐN	440		86.152.503.804	91.319.113.504

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

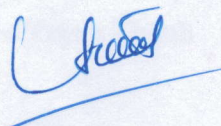
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Trọng Thành



Nguyễn Duy Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

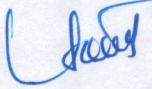
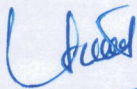
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	18.416.210.628	15.204.955.046
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		18.416.210.628	15.204.955.046
Giá vốn hàng bán	11	18	16.413.083.681	12.416.042.759
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.003.126.947	2.788.912.287
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	755.651	52.454.796
Chi phí tài chính	22	20	-	112.214.795
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	112.214.795
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.364.596.122	1.231.323.136
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		639.286.476	1.497.829.152
Thu nhập khác	31		71.666.664	63.611.108
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		71.666.664	63.611.108
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		710.953.140	1.561.440.260
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	142.190.628	312.288.052
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		568.762.512	1.249.152.208
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	101	223

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Duy Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		710.953.140	1.561.440.260
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		517.650.711	559.779.475
Các khoản dự phòng	03		342.921.750	342.922.500
Lãi hoạt động đầu tư	05		(755.651)	(52.454.796)
Chi phí lãi vay	06		-	112.214.795
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.570.769.950	2.523.902.234
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.244.361.949	16.594.612.875
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.797.015.991	(3.925.283.333)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.020.484.590)	(8.152.225.133)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		86.876.715	92.845.382
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(118.894.247)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.700.000.000)	(1.641.887.363)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(192.530.488)	(104.626.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		786.009.527	5.268.444.415
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(152.656.400)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		755.651	56.093.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		755.651	(96.563.059)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	(9.700.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.432.845.792)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(500.000.000)	(14.632.845.792)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		286.765.178	(9.460.964.436)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	120.159.113	9.661.048.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	406.924.291	200.083.811

Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Trọng Thành

Nguyễn Duy Ánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và các lần thay đổi, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần 06) vào ngày 26 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 56.124.440.000 VND, tương đương 5.612.444 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 59 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 60 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đúc sắt, thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thiết kế xây dựng công trình giao thông; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu và đường sắt, cầu và đường bộ; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình);
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2024.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây lắp: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất công nghiệp: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

3.10 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ.

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.15 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (VAT)***

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào được công ty hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	18.138.718	3.264.419
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.785.573	116.894.694
	406.924.291	120.159.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.329.392.488	(827.865.665)	28.576.208.456	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	9.965.067.256	-	11.906.496.000	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	3.921.626.124	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hoá	2.935.410.400	-	4.601.502.040	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghĩa Bình	1.026.934.534	-	1.426.934.534	-
- Công ty Cổ phần đường sắt Nghệ Tĩnh	649.855.134	-	5.398.011.134	-
- Các khách hàng khác	1.830.499.040	(827.865.665)	5.243.264.748	(827.865.665)
	20.329.392.488	(827.865.665)	28.576.208.456	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 25	10.259.798.216	-	12.274.904.570	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	33.272.042.432	-	26.353.791.551	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	33.186.490.501	-	25.981.721.302	-
- Các khách hàng khác	85.551.931	-	372.070.249	-
Cộng	33.272.042.432	-	26.353.791.551	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 25	33.186.490.501	-	25.981.721.302	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	175.887.690	-	91.684.552	-
- Tạm ứng	175.887.690	-	91.684.552	-
Dài hạn	2.574.105.169	-	2.381.574.681	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.574.105.169	-	2.381.574.681	-
	2.749.992.859	-	2.473.259.233	-

8. NỢ XẤU

	30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Đường bộ 230	260.388.000	-	(260.388.000)	260.388.000	-	(260.388.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc Quảng Bình	69.695.059	-	(69.695.059)	69.695.059	-	(69.695.059)	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình & Dầu tư 120	340.915.091	-	(340.915.091)	340.915.091	-	(340.915.091)	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 124	156.867.515	-	(156.867.515)	156.867.515	-	(156.867.515)	-	-
Tổng cộng	827.865.665	-	(827.865.665)	827.865.665	-	(827.865.665)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	1.263.014.041	-	2.928.840.088	-
- Công cụ, dụng cụ	8.295.430	-	14.091.930	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.468.143.701	-	15.410.914.721	-
- Thành phẩm	11.176.497.137	-	9.359.119.561	-
	23.915.950.309	-	27.712.966.300	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
01/01/2025	9.106.365.180		20.024.031.882		5.175.765.283		39.909.091		34.346.071.436
30/06/2025	9.106.365.180		20.024.031.882		5.175.765.283		39.909.091		34.346.071.436
HAO MÒN LŨY KẾ									
01/01/2025	(5.349.641.523)	(18.758.279.988)			(3.488.603.920)		(39.909.091)		(27.636.434.522)
- Khấu hao trong kỳ	(261.337.460)	(171.658.589)			(84.654.662)		-		(517.650.711)
30/06/2025	(5.610.978.983)	(18.929.938.577)			(3.573.258.582)		(39.909.091)		(28.154.085.233)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
01/01/2025	3.756.723.657	1.265.751.894			1.687.161.363		-		6.709.636.914
30/06/2025	3.495.386.197	1.094.093.305			1.602.506.701		-		6.191.986.203

Tại ngày 30/06/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 21.526.110.537 VND (tại ngày 01/01/2025 là 21.246.270.128 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	858.967.363	858.967.363	3.150.117.642	3.150.117.642
- Công ty Cổ phần Dương Long Loan	348.767.050	348.767.050	188.461.600	188.461.600
- Công ty Cổ phần công trình 791	208.587.811	208.587.811	-	-
- Công ty CP công trình 793	165.371.054	165.371.054	-	-
- Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	1.430.352.000	1.430.352.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	77.080.000	77.080.000	1.110.039.017	1.110.039.017
- Các nhà cung cấp khác	59.161.448	59.161.448	421.265.025	421.265.025
	858.967.363	858.967.363	3.150.117.642	3.150.117.642
Phải trả người bán là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 25	208.587.811	208.587.811	-	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ		30/06/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng	951.439.956		980.180.183		1.482.361.625		449.258.514	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.856.224.279		142.190.628		1.700.000.000		638.537.754	
- Thuế tài nguyên	154.822.200		386.110.800		439.636.000		101.297.000	
- Các loại thuế khác	9.765.559		416.484.922		426.250.481		-	
- Các khoản phí lệ phí và phải nộp khác	444.622.837		119.297.475		190.929.960		32.867.505	
	3.416.874.831		980.180.183		4.239.178.066		1.221.960.773	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.718.976.702	1.734.385.426
- Kinh phí công đoàn	51.655.178	88.090.525
- Bảo hiểm xã hội	125.783.476	129.048.202
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.390.000.000	1.390.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	151.538.048	127.246.699
Dài hạn	80.000.000	80.000.000
Tiền đào tạo của cán bộ công nhân viên	80.000.000	80.000.000
	1.798.976.702	1.814.385.426
Phải trả là các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 25	1.390.000.000	1.390.000.000

14. VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản vay ngắn hạn với bà Nguyễn Thị Khoa số tiền 500.000.000 VND theo hợp đồng cho vay số 310/HĐVTCN/2024 ký ngày 05 tháng 12 năm 2024, thời hạn vay 1 tháng, lãi suất 0%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo của khoản vay là tín chấp. Tại ngày 30/06/2025, Công ty đã thực hiện trả hết số tiền vay này.

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí hoàn nguyên môi trường	1.714.611.750	1.371.690.000
	1.714.611.750	1.371.690.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	56.124.440.000	9.213.000.000	12.003.131.745	77.340.571.745
Lãi trong kỳ	-	-	6.033.053.286	6.033.053.286
Chia cổ tức	-	-	(5.432.845.792)	(5.432.845.792)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(328.377.473)	(328.377.473)
31/12/2024	56.124.440.000	9.213.000.000	12.274.961.766	77.612.401.766
01/01/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	12.274.961.766	77.612.401.766
Lãi trong kỳ	-	-	568.762.512	568.762.512
30/06/2025	56.124.440.000	9.213.000.000	12.843.724.278	78.181.164.278

16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	30/06/2025		01/01/2025	
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	28.250.000.000	50,33	28.250.000.000	50,33
- Cổ đông khác	27.874.440.000	49,67	27.874.440.000	49,67
Cộng	56.124.440.000	100	56.124.440.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 Cổ phiếu

Cổ phiếu	30/06/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.612.444	5.612.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.612.444	5.612.444
- Cổ phiếu phổ thông	5.612.444	5.612.444
Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	5.612.444	5.612.444
- Cổ phiếu phổ thông	5.612.444	5.612.444
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu xây lắp	14.308.033.428	6.443.121.296
- Doanh thu bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	2.568.083.000	5.780.508.750
- Doanh thu bán tà vẹt và các sản phẩm khác	1.540.094.200	2.981.325.000
	18.416.210.628	15.204.955.046
Doanh thu với các bên liên quan - Trình bày tại Thuyết minh số 25	7.059.377.570	7.022.669.296

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Giá vốn xây lắp	13.143.747.726	5.625.505.524
- Giá vốn bán các sản phẩm khai thác, chế biến đá	1.832.892.256	4.714.474.150
- Giá vốn bán tà vẹt và các sản phẩm khác	1.436.443.699	2.076.063.085
	16.413.083.681	12.416.042.759

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	755.651	52.454.796
	755.651	52.454.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	112.214.795
	-	112.214.795

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nhân công	794.130.524	731.308.891
- Chi phí khấu hao TSCĐ	292.669.544	290.809.002
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	32.479.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.857.803	23.257.450
- Chi phí khác bằng tiền	55.938.251	153.468.297
	1.364.596.122	1.231.323.136

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.967.342.193	6.210.747.133
- Chi phí nhân công	6.023.503.385	5.226.196.574
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.650.711	559.779.475
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	32.479.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.070.067.824	5.732.043.547
- Chi phí bằng tiền khác	1.070.722.246	276.101.335
	15.652.286.359	18.037.347.560

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	710.953.140	1.561.440.260
- Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	710.953.140	1.561.440.260
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải trả ước tính	142.190.628	312.288.052
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	142.190.628	312.288.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp	568.762.512	1.249.152.208
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.612.444	5.612.444
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	101	223

25. THÔNG TIN KHÁC

25.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Công trình 791	Cùng người quản lý chủ chốt
3	Công ty Cổ phần Công trình 792	Cùng người quản lý chủ chốt
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Cùng người quản lý chủ chốt
5	Công ty Cổ phần Công trình 875	Cùng người quản lý chủ chốt

25.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.059.377.570	7.022.669.296
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	7.059.377.570	6.940.849.296
- Công ty Cổ phần Công trình 792	-	81.820.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	700.827.636	2.059.333.843
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	345.230.801	2.059.333.843
- Công ty Cổ phần Công trình 791	355.596.835	-

25.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.259.798.216	12.274.904.570
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	9.965.067.256	11.906.496.000
- Công ty Cổ phần Công trình 791	-	89.877.610
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	48.600.000	32.400.000
- Công ty Cổ phần Công trình 792	246.130.960	246.130.960
Trả trước cho người bán	33.186.490.501	25.981.721.302
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	33.186.490.501	25.981.721.302
Phải trả người bán ngắn hạn	208.587.811	-
- Công ty Cổ phần Công trình 791	208.587.811	-
Phải trả khác	1.390.000.000	1.390.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.390.000.000	1.390.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.4. THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch HĐQT	-	220.000.000
Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	109.100.000	436.200.000
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó giám đốc	80.280.000	69.520.000
Ông Trần Huy Thắng	Phó giám đốc	95.650.000	-
Ông Nguyễn Trọng Thành	Kế toán trưởng	85.980.000	86.140.000
Ông Phạm Xuân Trí	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm 29/04/2025)	-	32.500.000
Ông Nguyễn Văn Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm 29/04/2025)	31.830.000	-
Ông Thái Đình Cường	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm 29/04/2025)	33.830.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm 29/04/2025)	-	25.000.000
Bà Nguyễn Thị Bình	Thành viên ban kiểm soát	72.820.000	86.760.000
		509.490.000	956.120.000

25.5. THÔNG TIN KHÁC

Mỏ đá Hoàng Mai B của Công ty được cấp phép khai thác theo Giấy phép khai thác số 1091QĐ/QLNT ngày 23 tháng 10 năm 1995 cấp bởi Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương), mỏ có thời hạn khai thác 30 năm, đến ngày 23 tháng 10 năm 2025. Công ty đang khai thác đá trong phạm vi quy định của giấy phép nêu trên tại một phần phía Đông của mỏ đá. Năm 2023, việc khai thác đá tại mỏ có vị trí gần đường Quốc lộ 1A và gần khu công nghiệp ảnh hưởng đến an toàn nên UBND thị xã Hoàng Mai, các Sở ban ngành và UBND tỉnh Nghệ An, Cục kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp đã có nhiều buổi làm việc và đề nghị Công ty dừng mỏ trước thời hạn. Ngày 01 tháng 08 năm 2024, Công ty đã có báo cáo số 28 BC/CTĐHM-NC gửi Bộ Tài nguyên môi trường, UBND tỉnh Nghệ An về việc tạm dừng khai thác, sản xuất đá vôi tại mỏ đá Hoàng Mai B để tiến hành lập hồ sơ đóng cửa mỏ. Ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã ban hành Tờ trình 08TTtr/CTĐHM-NC gửi Cục Khoáng sản Việt Nam đề xin hướng dẫn các thủ tục đóng cửa mỏ. Hiện nay, Công ty đang chờ ý kiến phản hồi của Cục Khoáng sản Việt Nam và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đóng cửa mỏ theo đúng quy định.

25.6. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Theo hợp đồng thuê đất số 10/HĐ-TĐ ngày 24 tháng 09 năm 2003 ký giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, công ty được phép sử dụng lô đất có diện tích là 185.415,2 m² tại phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho thời hạn thuê đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025 với các mục đích sử dụng như sau:

- Diện tích đất 75.000 m² sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản;
- Diện tích đất 93.012,9 m² sử dụng vào mục đích chế biến khoáng sản và tập kết nguyên vật liệu sau khi khai thác;
- Diện tích đất 17.039,9 m² sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng công ty;
- Diện tích đất 362,4 m² sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang, bia tưởng niệm.

Theo hợp đồng, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.7. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

a, Theo lĩnh vực kinh doanh

06 tháng đầu năm 2025

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	14.308.033.428	2.568.083.000	1.540.094.200	18.416.210.628
Giá vốn hàng bán	13.143.747.726	1.832.892.256	1.436.443.699	16.413.083.681
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.164.285.702	735.190.744	103.650.501	2.003.126.947
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	86.142.503.804
Tổng tài sản	-	-	-	86.142.503.804
Nợ phải trả của các bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.961.339.526
Tổng nợ phải trả	-	-	-	7.961.339.526

06 tháng đầu năm 2024

	Xây lắp	Khai thác, chế biến đá	Sản xuất tà vẹt và các hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	6.443.121.296	5.780.508.750	2.981.325.000	15.204.955.046
Giá vốn hàng bán	5.625.505.524	4.714.474.150	2.076.063.085	12.416.042.759
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	817.615.772	1.066.034.600	905.261.915	2.788.912.287
Tổng chi phí mua TSCĐ	152.656.400	-	-	(2.788.912.287)
Tài sản bộ phận	21.372.717.948	9.702.869.420	20.614.870.576	51.690.457.944
Tài sản không phân bổ	-	-	-	25.947.551.853
Tổng tài sản	21.372.717.948	9.702.869.420	20.614.870.576	77.638.009.797
Nợ phải trả của các bộ phận	-	1.103.151.500	273.466.403	1.376.617.903
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.432.891.206
Tổng nợ phải trả	-	1.103.151.500	273.466.403	4.809.509.109

b, Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại khu vực miền Trung của Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.8. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

25.9. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

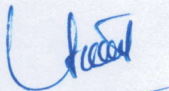
Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

25.10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

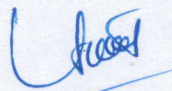
Nghệ An, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Trọng Thành

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thành

Giám đốc



Nguyễn Duy Ánh



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÁ HOÀNG MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 06/CV-HMR
V/v: giải trình chênh lệch LNST
BCTC bán niên năm 2025

Nghệ An, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ Quy định tại điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của bộ tài chính “ Hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK”.
- Căn cứ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần đá Hoàng Mai.

Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 so với cùng kỳ như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025	CHÊNH LỆCH
1	Lợi nhuận sau thuế của công ty	1.249.152.208	568.762.512	(54%)

Nguyên nhân :

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 680.389.696 triệu đồng, tương đương giảm 54% so với cùng kỳ năm trước do các Công ty quản lý đường sắt chưa triển khai các gói thầu sửa chữa thường xuyên đường sắt năm 2025 nên chưa lấy tà vẹt, đá dăm dẫn đến doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo đến Quý cơ quan và các nhà Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT b/c
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Ánh